

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2019

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa- Bà Trần Thị Quỳnh Trâm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị P có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Trần Quốc T**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh T vắng tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị P** trình bày: Chị và anh **Trần Quốc T** cùng nhau đi đến hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức hôn lễ theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống chị và anh T có 02 người con chung tên: **Trần Thị Thu H**, sinh ngày: 06/10/1998 (đã lập gia

đình) và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 24/9/2004 hiện con đang sống với vợ chồng chị.

Trong thời gian chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mặc dù, hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt và cũng từ thời gian đó vợ chồng chị sống ly thân với nhau cho đến nay.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị P yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Quốc T.

- Về việc nuôi con chung: Gồm có 02 người con chung tên Trần Thị Thu H, sinh ngày: 06/10/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 24/9/2004 hiện đang sống với chị, nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2019; Biên bản hòa giải ngày 11/4/2019 và ngày 17/5/2019 bị đơn anh Trần Quốc T trình bày con chung, tài sản chung và nợ chung như chị P trình bày là đúng nhưng về hôn nhân anh T xác định anh và chị P kết hôn năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, anh T không đồng ý ly hôn với chị P. Tuy nhiên Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T biết nhưng anh T đều không có mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2019; Biên bản hòa giải ngày 11/4/2019 và ngày 17/5/2019, anh Trần Quốc T có ý kiến:

Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị P, xin được hàn gắn, đoàn tụ.

Về con chung: Gồm có 02 người con chung tên Trần Thị Thu H, sinh ngày: 06/10/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 24/9/2004 hiện đang sống với vợ chồng anh, nếu vợ chồng anh ly hôn, anh T đồng ý giao cháu D cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Phương vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị P và anh Trần Quốc T.

- Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T và chị P là chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Thùy D, sinh ngày 24/9/2004. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị P và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị P và anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị P khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Trần Quốc T, cư ngụ ấp H, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh Trần Quốc T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Theo chị P trình bày chị và anh T kết hôn vào năm 1997 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn: Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi từ đó làm ảnh hưởng cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nữa và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay còn anh Tuấn thì trình bày trong quá trình giải quyết vụ án anh và chị Phương chung sống với nhau năm 1997 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V và anh không đồng ý ly hôn với chị P xin được hàn gắn. Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu ngày 29/01/2019 của chị P được UBND xã V xác nhận chị P và anh T không có đăng ký kết hôn tại UBND xã V là thật. Như vậy việc anh T khai vợ chồng anh có đăng ký kết hôn là không có căn cứ.

Bên cạnh đó, anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn thương chị P muốn hàn gắn, đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế chị P và anh T mặc dù vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tòa án đã tổng đạt quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh T biết nhưng anh T không có mặt theo thông báo để Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Mặc khác, quan hệ chung sống giữa chị P và anh T sống với nhau từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn nên giữa chị P và anh T không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ **1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này**”.

Do đó, mối quan hệ giữa chị P và anh T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị P và anh T xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Trần Thị Thu H, sinh ngày: 06/10/1998 và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 24/9/2004, hiện nay cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu D từ khi anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay con do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2019; Biên bản hòa giải ngày 11/4/2019 và ngày 17/5/2019 anh Tuấn đồng ý giao cháu D cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu D), HĐXX xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị P về quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu D cho đến khi đủ 18 tuổi theo mức quy định pháp luật nhưng chị P xác định không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị P và anh T cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phương phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị P và anh Trần Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T và chị P là chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Thùy D, sinh ngày 24/9/2004 (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị P và anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009523 ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách